ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I NĂM HỌC: 2026-2027

MÔN: ĐỊA LÍ 11

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Đặc điểm kinh tế nào sau đây là của nhóm nước phát triển?

A. Tốc độ tăng trưởng GDP rất cao.
B. Thường có qui mô GDP nhỏ.
C. Tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.
D. Nông nghiệp có tỉ trọng cao trong GDP.

Câu 2. Nhóm nước phát triển có

A. GNI bình quân đầu người cao.
B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
C. chỉ số phát triển con người còn thấp.
D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

Câu 3. Nhóm nước đang phát triển có

A. thu nhập bình quân đầu người rất cao.
B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP rất cao.
C. chỉ số phát triển con người không quá cao.
D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất nhỏ bé.

Câu 4. Dựa vào các tiêu chí chủ yếu nào sau đây để phân chia thế giới thành các nhóm nước?

A. GNI/ người, cơ cấu ngành kinh tế và chỉ số phát triển con người.
B. GDP/ người, đầu tư ra nước ngoài và chỉ số phát triển con người.
C. GNI, cơ cấu ngành kinh tế và trình độ dân trí, tuổi thọ trung bình.
D. GDP/ người, chỉ số phát triển con người và cơ cấu ngành kinh tế.

Câu 5. Các nước đang phát triển có đặc điểm là

A. GNI bình quân đầu người rất cao.
B. đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) rất nhiều.
C. chỉ số phát triển con người rất cao.
D. cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Câu 6. Sự phân chia thế giới thành các nhóm nước nói lên tình trạng chủ yếu nào sau đây?

A. Thế giới có nhiều quốc gia, dân tộc và tôn giáo.
B. Sự khác biệt về trình độ phát triển giữa các nhóm nước.
C. Sự khác nhau về chế độ chính trị - xã hội giữa các nước.
D. Hậu quả kéo dài của chiến tranh lạnh kéo dài.

Câu 7. Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người) phản ánh trình độ

A. sức khoẻ, giáo dục và thu nhập của con người.
B. phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống dân cư.
C. dân trí, học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.
D. phân công lao động và phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 8. Cơ cấu kinh tế theo ngành không phản ánh trình độ

A. phân công lao động xã hội.
B. phát triển khoa học – công nghệ.
C. phát triển của lực lượng sản xuất.
D. tổ chức sản xuất theo lãnh thổ.

Câu 9. HDI là một trong những chỉ tiêu đánh giá

A. cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành y.
B. trình độ phát triển của một quốc gia.
C. khả năng tăng học vấn của dân cư.
D. tính đa dạng và đặc sắc của văn hóa.

Câu 10. Chỉ số phát triển con người (HDI) phản ánh trình độ

A. sức khoẻ, giáo dục và thu nhập của con người.
B. phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống dân cư.
C. dân trí, học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.
D. phân công lao động và phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 11. Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ

A. sức khoẻ, giáo dục và thu nhập của con người.
B. phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống dân cư.
C. dân trí, học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.
D. phân công lao động và phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

Tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển, năm 2025

(Đơn vị: %)

Quốc gia	Nông nghiệp, lâm nghiệp và	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản

	thuỷ sản			phẩm
Bra-xin	6,1	20,2	59,7	14,0
Cộng hoà Nam Phi	2,8	24,1	63,1	10,0
Viêt Nam	11,6	37,6	42,8	8,0

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển?

A. Nông - lâm - ngư có xu hướng tăng. **B.** Tỉ trọng dịch vụ có nhiều biến động.

C. Công nghiệp và xây dựng tăng nhanh. **D.** Nông - lâm - ngư có xu hướng giảm.

Câu 13. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu tạo nên sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển?

A. Quy mô dân số và cơ cấu dân số. **B.** Vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên.

C. Điều kiện tự nhiên và nguồn khoáng sản. **D.** Trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ.

Câu 14. Nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là do

A. nguồn gốc gen di truyền. **B.** chất lượng cuộc sống cao.

C. môi trường sống thích hợp. **D.** làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh các nước đang phát triển với các nước phát triển?

A. GNI bình quân đầu người thấp hơn nhiều. **B.** đầu tư trực tiếp ra nước ngoài ở mức cao.

C. chỉ số chất lượng cuộc sống (HDI) cao. **D.** dịch vụ có tỉ trọng cao trong nền kinh tế.

Câu 16. Các nước phát triển khác với các nước đang phát triển là

A. gia tăng tự nhiên dân số rất thấp. **B.** cơ cấu dân số trẻ, lao động đông.

C. tuổi thọ thấp, tỉ suất tử vong cao. **D.** tốc độ tăng dân số hàng năm lớn.

Câu 17. Nhóm nước phát triển và đang phát triển có sự khác biệt về cơ cấu kinh tế theo ngành do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Trình độ phát triển kinh tế. **B.** Phong phú về tài nguyên.

C. Sự đa dạng về chủng tộc. **D.** Phong phú nguồn lao động.

Câu 18. Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của thế giới, giai đoạn 2010 – 2025

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2014	2017	2022	2025
GDP	66894	80244	82110	102863	118350

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của thế giới qua các năm?

A. Tăng qua các năm. **B.** Tăng liên tục qua các năm.

C. Tăng nhanh qua các năm. **D.** Tăng không liên tục qua các năm.

Câu 19. Cho bảng số liệu:

Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2025

Quốc gia	Ai-cập	Ấn Độ	Liên bang Nga	Hoa Kì
Xuất khẩu (tỷ đô la Mỹ)	72,4	880,7	466,2	3430
Nhập khẩu (tỷ đô la Mỹ)	115,0	963,4	397,2	4340

Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết quốc gia nào sau đây xuất siêu vào năm 2025?

A. Ai-cập. **B.** Ác-hen-ti-na. **C.** Liên bang Nga. **D.** Hoa Kì.

Câu 20. Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của các nhóm nước, giai đoạn 2010 - 2025

(Đơn vị: Tỷ Đô la Mỹ)

Năm	2010	2013	2014	2016	2025
Các nước thu nhập thấp	293	383	413	404	643
Các nước thu nhập trung bình	20459	27278	28293	26897	40837

Các nước thu nhập cao	45207	49346	50360	48561	76878

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của các nhóm nước trên qua các năm, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Cột. **B.** Đường. **C.** Tròn. **D.** Miền.

Câu 21. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của một số quốc gia, năm 2025

Cơ cấu dân số (%)	Nhóm tuổi	Ca-na-đa	Bra-xin	In-đô-nê-xi-a
	Từ 0 đến 14 tuổi	15,0	19,4	24,2
	Từ 15 đến 64 tuổi	64,9	69,6	67,8
	Từ 65 tuổi trở lên	20,1	11,0	8,0

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của một số quốc gia năm 2025, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Tròn. **B.** Kết hợp. **C.** Cột. **D.** Miền.

Câu 22. Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

A. sản xuất, thương mại, tài chính. **B.** thương mại, tài chính, giáo dục.

C. tài chính, giáo dục và chính trị. **D.** giáo dục, chính trị và sản xuất.

Câu 23. Khu vực hóa kinh tế là liên kết kinh tế - thương mại giữa

A. những khu vực có sự gần gũi nhau. **B.** những nước cùng trình độ phát triển.

C. các nước có sự tương đồng với nhau. **D.** các nhóm nước có quan hệ với nhau.

Câu 24. Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới không phải về

A. kinh tế. **B.** văn hóa. **C.** khoa học. **D.** chính trị.

Câu 25. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Liên minh châu Âu (EU). **B.** Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). **D.** Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 26. Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của khu vực hóa kinh tế?

A. Ngân hàng thế giới (WBG). **B.** Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). **D.** Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

Câu 27. Hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế là

A. nhiều tổ chức khu vực được hình thành. **B.** bổ sung các nguồn lực của mỗi quốc gia.

C. thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa. **D.** giảm sức ép từ các quốc gia ngoài khu vực.

Câu 28. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

A. chung mục tiêu và lợi ích phát triển. **B.** sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. **D.** lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

Câu 29. Thách thức to lớn của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển là

A. tự do hóa thương mại được mở rộng. **B.** gây áp lực với tự nhiên, môi trường.

C. hàng hóa có cơ hội lưu thông rộng rãi. **D.** các quốc gia đón đầu công nghệ mới.

Câu 30. Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

A. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội. **B.** sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. **D.** lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

Câu 31. Biểu hiện nào sau đây không phải của toàn cầu hóa kinh tế?

A. Thương mại thế giới phát triển mạnh. **B.** Các công ty đa quốc gia có vai trò lớn.

C. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng. **D.** Các quốc gia gần nhau lập các tổ chức.

Câu 32. Biểu hiện của thương mại thế giới phát triển mạnh là

A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.

B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

C. thương mại điện tử có những bước phát triển mạnh mẽ.

D. các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rất rộng.

Câu 33. Đặc điểm nào sau đây không đúng với các công ty đa quốc gia?

A. Khai thác nền kinh tế các nước thuộc địa. **B.** Sở hữu nguồn của cải vật chất lớn.

C. Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng. **D.** Phạm vi hoạt động ở nhiều quốc gia.

Câu 34. Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

A. trao đổi học sinh, sinh viên thuận lợi giữa nhiều nước.

B. tăng cường hợp tác về văn hóa, văn nghệ và giáo dục.

C. đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

D. Mạng lưới tài chính toàn cầu phát triển nhanh chóng.

Câu 35. Hệ quả quan trọng nhất của toàn cầu hóa kinh tế là

A. đẩy nhanh đầu tư. **B.** xóa đói giảm nghèo. **C.** giao lưu, học tập. **D.** thúc đẩy sản xuất.

Câu 36. Hệ quả tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế là

A. tăng cường sự hợp tác quốc tế nhiều mặt. **B.** đẩy nhanh đầu tư, làm sản xuất phát triển.

C. gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo. **D.** thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Câu 37. Tác động tích cực của của toàn cầu hóa không phải là

A. tăng cường sự hợp tác về kinh tế và văn hóa giữa các nước.

B. đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.

C. thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

D. thúc đẩy quá trình đô thị hóa tự phát ở nước đang phát triển.

Câu 38. Các hoạt động nào sau đây thu hút mạnh mẽ nhất nguồn đầu tư nước ngoài?

A. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. **B.** Nông nghiệp, thủy lợi, giáo dục.

C. Văn hóa, giáo dục, công nghiệp. **D.** Du lịch, công nghiệp, giáo dục.

Câu 39. Đặc trưng của các công ty đa quốc gia là

A. thúc đẩy thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế.

B. phát triển nguồn nhân lực trên khắp toàn cầu.

C. quốc tế hóa, mở rộng hoạt động cấp toàn cầu.

D. thúc đẩy chuyển giao công nghệ toàn thế giới.

Câu 40. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới được hình thành chủ yếu do nguyên nhân nào dưới đây?

A. Các nước có nét tương đồng về lịch sử phát triển.

B. Chịu sức ép cạnh tranh và có sự phát triển không đều.

C. Các quốc gia có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

D. Tổng thu nhập quốc dân tương tự nhau giữa các quốc gia.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

HDI là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện: sức khỏe, học vấn, thu nhập. Dựa vào chỉ tiêu này, Liên hợp quốc phân chia các nước thành nước có HDI rất cao (từ 0,800 trở lên), cao (từ 0,700 đến dưới 0,800), trung bình (từ 0,550 đến dưới 0,700) và thấp (dưới 0,550).

a) HDI là một chỉ tiêu phân loại trình độ phát triển giữa các nhóm nước.

b) Một trong những thước đo trình độ học vấn là số năm đi học của người trên 25 tuổi.

c) HDI cao thì tuổi thọ trung bình cao.

d) Việt Nam và các nước đang phát triển khác có thu nhập bình quân đầu người cao do có tốc độ tăng trưởng GDP cao.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Gni/người, cơ cấu GDP và HDI của các nước đang phát triển năm 2025

Nhóm	Nước	GNI/Người (USD)	Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	HDI
Đang phát triển	Bra-xin	10550	6,09	20,15	59,74	14,02	0,786
	CH Nam Phi	6270	2,83	24,09	63,07	10,01	0,741

	Việt Nam	4970	11,64	37,65	42,74	7,97	0,766

a) Bra-xin là quốc gia có chỉ số HDI cao nhất.

b) Ngành Nông-lâm-thủy sản chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP của các nước.

c) Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của các nhóm nước là biểu đồ tròn.

d) GNI/người của các nước tương đối đồng đều.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Toàn cầu hoá kinh tế là sự gia tăng nhanh chóng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới quốc gia và khu vực trên toàn thế giới; tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế nhằm hướng tới nền kinh tế thế giới hội nhập và thống nhất.

a) Toàn cầu hoá là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt.

b) Toàn cầu hoá tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền kinh tế-xã hội thế giới.

c) Toàn cầu hoá làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

d) Toàn cầu hoá làm tăng nguy cơ bất ổn về chính trị và gia tăng chiến tranh.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Các nước đang phát triển có tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số đang có xu hướng giảm nhưng ở một số quốc gia còn cao. Phần lớn các nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ và đang già hóa. Tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, song tỷ lệ dân hình thị chưa cao. Chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao, trung bình và thấp. Tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên đang tăng dần. Các dịch vụ y tế, giáo dục đang dần được cải thiện.

a) Sự khác biệt giữa nhóm đang nước phát triển và phát triển về xã hội là cơ cấu dân số già, tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp.

b) Quá trình đô thị của nhóm các nước đang phát triển diễn ra với có tốc nhanh, tỉ lệ dân thành thị rất cao.

c) Về xã hội 1 số các quốc gia thuộc nhóm nước đang phát triển có chỉ số hạnh phúc cao.

d) Để giải quyết vấn đề thiếu việc làm, xuất khẩu lao động là 1 trong những giải pháp ở nhóm nước đang phát.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 1. Năm 2025, thế giới có khoảng 645 triệu người bị thiếu dinh dưỡng trong đó có hơn 50% sống ở châu Á. Theo đó, nếu có 100 triệu người bị thiếu dinh dưỡng thì châu Á có bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2. Năm 2025, biết GDP của Hoa Kì là 30769,7 tỉ USD và GDP của Việt Nam là 514,7 tỉ USD. Hãy cho biết GDP của Hoa Kì gấp bao nhiêu lần GDP của Việt Nam? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 3. Năm 2025, dân số của Hoa kì là 341,8 triệu người; GDP là 30769,7 tỉ USD. Hãy cho biết thu nhập bình quân đầu người của của Hoa Kì là bao nhiêu nghìn USD/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 4. Năm 2025 giá trị xuất khẩu toàn thế giới là 26,3 nghìn tỉ USD; giá trị nhập khẩu là 26,7 nghìn tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của toàn thế giới năm 2025? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5. Đầu tư ra nước ngoài của toàn thế giới năm 2025 là 1600 tỉ USD; trong đó đầu tư ra nước ngoài của Hoa Kì là 263 tỉ USD. Hãy cho biết tỷ lệ đầu tư ra nước ngoài của Hoa Kỳ so với thế giới là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

PHẦN IV. Tự luận

HS ôn tập vẽ các dạng biểu đồ cột, tròn từ đó nêu nhận xét và giải thích

------ HẾT ------

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

I. ĐÁP ÁN NHANH – 40 CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	**C**	2	**A**	3	**C**	4	**A**	5	**D**
6	**B**	7	**B**	8	**D**	9	**B**	10	**A**

11	**D**	12	**D***	13	**D**	14	**B**	15	**A**
16	**A**	17	**A**	18	**B**	19	**C**	20	**B**
21	**A**	22	**A**	23	**C**	24	**D**	25	**B**
26	**C**	27	**C**	28	**A**	29	**B**	30	**A**
31	**D**	32	**C**	33	**A**	34	**D**	35	**D**
36	**C**	37	**D**	38	**A**	39	**C**	40	**B**

II. ĐÁP ÁN NHANH – ĐÚNG / SAI

Câu	a – b – c – d
Câu 1	**Đ – Đ – Đ – S**
Câu 2	**Đ – S – Đ – S**
Câu 3	**Đ – Đ – Đ – S**
Câu 4	**Đ – S – S – Đ**

III. ĐÁP ÁN NHANH – TRẢ LỜI NGẮN

Câu	Kết quả
1	**Hơn 50,0 triệu người**
2	**59,8 lần**
3	**90 nghìn USD/người**
4	**-0,4 nghìn tỉ USD (nhập siêu 0,4 nghìn tỉ USD)**
5	**16%**

PHẦN I. GIẢI CHI TIẾT TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đáp án: C

• Nước phát triển thường tiến hành công nghiệp hóa từ sớm, có nền sản xuất hiện đại và năng suất lao động cao. Tốc độ tăng GDP không nhất thiết "rất cao", nông nghiệp thường có tỉ trọng nhỏ.

Câu 2. Đáp án: A

• Nhóm nước phát triển đặc trưng bởi GNI/người cao, HDI cao và khu vực dịch vụ thường chiếm tỉ trọng lớn.

Câu 3. Đáp án: C

• Nhóm nước đang phát triển nhìn chung có GNI/người thấp hoặc trung bình và HDI chưa ở mức rất cao.

Câu 4. Đáp án: A

• Ba tiêu chí trọng tâm của bài là GNI/người, cơ cấu ngành kinh tế và HDI.

Câu 5. Đáp án: D

• Nhiều nước đang phát triển đang chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa; các phương án A, B, C là đặc trưng không phổ biến hoặc sai.

Câu 6. Đáp án: B

• Việc chia thành nhóm phát triển và đang phát triển phản ánh sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội.

Câu 7. Đáp án: B

• GNI/người là chỉ tiêu kinh tế phản ánh mức thu nhập bình quân, qua đó cho thấy trình độ phát triển kinh tế và phần nào chất lượng cuộc sống.

Câu 8. Đáp án: D

• Cơ cấu ngành phản ánh phân công lao động, trình độ lực lượng sản xuất và mức phát triển khoa học – công nghệ; không trực tiếp phản ánh tổ chức sản xuất theo lãnh thổ.

Câu 9. Đáp án: B

• HDI là chỉ tiêu tổng hợp dùng để đánh giá trình độ phát triển con người và qua đó phản ánh trình độ phát triển của một quốc gia.

Câu 10. Đáp án: A

• HDI tổng hợp ba phương diện: sức khỏe, giáo dục và thu nhập.

Câu 11. Đáp án: D

• Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ phân công lao động và sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Câu 12. Đáp án: D*

• Đáp án dự kiến của đề là D: ở các nước đang phát triển, tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp có xu hướng giảm khi cơ cấu kinh tế chuyển dịch. Tuy nhiên bảng chỉ có số liệu năm 2025 cho ba nước, không có dữ liệu theo thời gian, nên không thể trực tiếp chứng minh "xu hướng giảm" từ chính bảng.

Câu 13. Đáp án: D

• Khoảng cách lớn về khoa học – kĩ thuật và công nghệ là nguyên nhân quan trọng tạo nên chênh lệch năng suất, chất lượng và trình độ phát triển.

Câu 14. Đáp án: B

• Tuổi thọ cao chủ yếu gắn với chất lượng cuộc sống cao, hệ thống y tế tốt, dinh dưỡng và điều kiện sống thuận lợi.

Câu 15. Đáp án: A

• So với nước phát triển, nước đang phát triển nhìn chung có GNI/người thấp hơn nhiều.

Câu 16. Đáp án: A

• Nước phát triển thường có gia tăng tự nhiên rất thấp và cơ cấu dân số già; các phương án còn lại nghiêng về đặc trưng của nhiều nước đang phát triển.

Câu 17. Đáp án: A

• Cơ cấu ngành kinh tế khác nhau chủ yếu do trình độ phát triển kinh tế khác nhau.

Câu 18. Đáp án: B

• GDP thế giới tăng ở tất cả các mốc: 66 894 → 80 244 → 82 110 → 102 863 → 118 350 tỉ USD, tức tăng liên tục.

Câu 19. Đáp án: C

• Xuất siêu khi xuất khẩu > nhập khẩu. Liên bang Nga: 466,2 > 397,2 tỉ USD; các nước còn lại trong bảng đều nhập siêu.

Câu 20. Đáp án: B

• Đề yêu cầu thể hiện tốc độ tăng trưởng của nhiều nhóm nước qua nhiều năm. Biểu đồ đường thích hợp nhất để thể hiện xu hướng/tốc độ theo thời gian.

Câu 21. Đáp án: A

• Bảng thể hiện cơ cấu (%) của ba quốc gia tại một thời điểm. Có thể dùng ba biểu đồ tròn để so sánh cơ cấu nhóm tuổi.

Câu 22. Đáp án: A

• Toàn cầu hóa kinh tế làm tăng liên kết giữa các quốc gia về sản xuất, thương mại và tài chính.

Câu 23. Đáp án: C

• Khu vực hóa kinh tế là liên kết kinh tế – thương mại giữa các quốc gia có những điểm tương đồng, thường về địa lí, văn hóa, xã hội và lợi ích phát triển.

Câu 24. Đáp án: D

• Toàn cầu hóa có các liên kết nổi bật về kinh tế, văn hóa, khoa học – công nghệ; chính trị không phải nội dung được xác định trong câu hỏi này.

Câu 25. Đáp án: B

• WTO là tổ chức có phạm vi toàn cầu, sự ra đời và hoạt động của WTO là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.

Câu 26. Đáp án: C

• ASEAN là tổ chức liên kết trong một khu vực địa lí, là biểu hiện của khu vực hóa.

Câu 27. Đáp án: C

• Toàn cầu hóa thúc đẩy phân công lao động quốc tế, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất.

Câu 28. Đáp án: A

• Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực thường hình thành khi các nước có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

Câu 29. Đáp án: B

• Một thách thức lớn của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển là sức ép lên tài nguyên và môi trường.

Câu 30. Đáp án: A

• Các liên kết kinh tế đặc thù thường dựa trên những nét tương đồng về địa lí, văn hóa và xã hội.

Câu 31. Đáp án: D

• Việc các quốc gia gần nhau lập tổ chức liên kết là biểu hiện của khu vực hóa, không phải biểu hiện trực tiếp của toàn cầu hóa kinh tế.

Câu 32. Đáp án: C

• Sự phát triển mạnh của thương mại điện tử là biểu hiện rõ của thương mại thế giới phát triển mạnh.

Câu 33. Đáp án: A

• "Khai thác nền kinh tế các nước thuộc địa" không phải đặc điểm khái quát của công ty đa quốc gia hiện nay. Đặc trưng đúng là nguồn lực lớn, chi phối nhiều ngành và hoạt động ở nhiều quốc gia.

Câu 34. Đáp án: D

• Mạng lưới tài chính toàn cầu phát triển nhanh là một biểu hiện điển hình của toàn cầu hóa kinh tế.

Câu 35. Đáp án: D

• Hệ quả quan trọng nhất là thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế thông qua mở rộng thị trường, đầu tư, công nghệ và chuyên môn hóa.

Câu 36. Đáp án: C

• Toàn cầu hóa có thể làm gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư và quốc gia.

Câu 37. Đáp án: D

• Đô thị hóa tự phát ở các nước đang phát triển là tác động tiêu cực, không phải tác động tích cực.

Câu 38. Đáp án: A

• Nguồn FDI thường tập trung mạnh vào các hoạt động dịch vụ có khả năng sinh lợi và luân chuyển vốn cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.

Câu 39. Đáp án: C

• Đặc trưng cốt lõi của công ty đa quốc gia là quốc tế hóa và mở rộng hoạt động trên phạm vi toàn cầu.

Câu 40. Đáp án: B

• Nguyên nhân thúc đẩy các nước liên kết khu vực là sức ép cạnh tranh và sự phát triển không đều; từ đó các quốc gia tăng hợp tác để nâng cao vị thế và sức cạnh tranh.

PHẦN II. GIẢI CHI TIẾT ĐÚNG / SAI

Câu 1

a) Đáp án: Đúng

• HDI là một trong các chỉ tiêu quan trọng dùng để phân loại và so sánh trình độ phát triển giữa các quốc gia/nhóm nước.

b) Đáp án: Đúng

• Một thành phần của chỉ số giáo dục trong HDI là số năm đi học trung bình của người trưởng thành; đề nêu nhóm người trên 25 tuổi.

c) Đáp án: Đúng

• Tuổi thọ là thước đo của phương diện sức khỏe trong HDI; nhìn chung HDI cao đi kèm tuổi thọ cao.

d) Đáp án: Sai

• Tăng trưởng GDP cao không đồng nghĩa GNI/người cao. Việt Nam và nhiều nước đang phát triển vẫn có GNI/người thấp hơn rõ rệt so với nhóm phát triển.

Câu 2

a) Đáp án: Đúng

• HDI: Bra-xin 0,786; Việt Nam 0,766; CH Nam Phi 0,741. Bra-xin cao nhất.

b) Đáp án: Sai

• Nông – lâm – thủy sản chỉ chiếm 2,83% đến 11,64%, thấp hơn nhiều so với dịch vụ và công nghiệp – xây dựng.

c) Đáp án: Đúng

• Để thể hiện cơ cấu GDP (%) của từng nước trong cùng một năm, biểu đồ tròn là dạng phù hợp; có thể vẽ ba hình tròn để so sánh.

d) Đáp án: Sai

• GNI/người chênh lệch khá lớn: 10 550 USD; 6 270 USD; 4 970 USD, nên không thể coi là tương đối đồng đều.

Câu 3

a) Đáp án: Đúng

• Toàn cầu hóa là quá trình tăng cường liên kết giữa các quốc gia trên nhiều mặt; đoạn thông tin đang nhấn mạnh phương diện kinh tế.

b) Đáp án: Đúng

• Toàn cầu hóa kinh tế tác động mạnh đến sản xuất, thương mại, đầu tư và qua đó ảnh hưởng rộng tới kinh tế – xã hội thế giới.

c) Đáp án: Đúng

• Đoạn thông tin nêu trực tiếp rằng toàn cầu hóa tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

d) Đáp án: Sai

• Đoạn thông tin không khẳng định toàn cầu hóa tất yếu làm tăng chiến tranh; đây không phải hệ quả được nêu trong nội dung ôn tập.

Câu 4

a) Đáp án: Đúng

• So với nhiều nước đang phát triển, nhóm nước phát triển thường có cơ cấu dân số già hơn và gia tăng tự nhiên thấp hơn; đây là một khác biệt xã hội cơ bản.

b) Đáp án: Sai

• Đoạn thông tin nêu đô thị hóa ở các nước đang phát triển diễn ra nhanh nhưng tỉ lệ dân thành thị chưa cao.

c) Đáp án: Sai

• Thông tin cho biết chất lượng cuộc sống có thể ở mức cao, trung bình hoặc thấp; không nêu "chỉ số hạnh phúc", nên không thể đồng nhất hai khái niệm.

d) Đáp án: Đúng

• Xuất khẩu lao động có thể góp phần giải quyết việc làm, giảm sức ép lao động và tạo nguồn thu nhập. Ý này không được nêu trực tiếp trong đoạn dẫn nhưng phù hợp kiến thức xã hội của nhóm nước đang phát triển.

PHẦN III. GIẢI CHI TIẾT TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Đáp án: Hơn 50,0 triệu người

• Đề cho "hơn 50%" số người thiếu dinh dưỡng sống ở châu Á.
Nếu tổng số là 100 triệu người thì 50% = 100 × 50 / 100 = 50,0 triệu người.

Câu 2. Đáp án: 59,8 lần

• GDP Hoa Kì = 30 769,7 tỉ USD; GDP Việt Nam = 514,7 tỉ USD.
Số lần = 30 769,7 / 514,7 = 59,7818... ≈ 59,8 lần.

• Vậy GDP Hoa Kì gấp khoảng 59,8 lần GDP Việt Nam.

Câu 3. Đáp án: 90 nghìn USD/người

• Dân số Hoa Kì = 341,8 triệu người; GDP = 30 769,7 tỉ USD.
GDP/người = 30 769,7 tỉ USD / 341,8 triệu người
= (30 769,7 / 341,8) × 1 000 USD/người ≈ 90 022,5 USD/người.

• Đổi sang nghìn USD/người và làm tròn đến hàng đơn vị: khoảng 90 nghìn USD/người.

Câu 4. Đáp án: -0,4 nghìn tỉ USD; nhập siêu 0,4 nghìn tỉ USD

• Cán cân xuất nhập khẩu = Xuất khẩu – Nhập khẩu.
26,3 – 26,7 = -0,4 nghìn tỉ USD.

• Kết quả âm nghĩa là nhập siêu. Thế giới nhập siêu 0,4 nghìn tỉ USD theo số liệu đề.

Câu 5. Đáp án: 16%

• Đầu tư ra nước ngoài của Hoa Kì = 263 tỉ USD; toàn thế giới = 1 600 tỉ USD.
Tỉ lệ = 263 / 1 600 × 100 = 16,4375%.

• Làm tròn đến hàng đơn vị: 16%.

PHẦN IV. HƯỚNG DẪN TỰ LUẬN: VẼ BIỂU ĐỒ – NHẬN XÉT – GIẢI THÍCH

1. Cách chọn dạng biểu đồ

• Biểu đồ cột: thích hợp khi cần so sánh quy mô, giá trị tuyệt đối giữa các đối tượng hoặc giữa các năm; có thể dùng cột đơn, cột ghép tùy số chỉ tiêu.

• Biểu đồ tròn: thích hợp khi số liệu là cơ cấu (%) và tổng các thành phần bằng 100%, thường dùng cho một hoặc một vài đối tượng/thời điểm.
• Nếu đề yêu cầu "tốc độ tăng trưởng qua nhiều năm", thông thường biểu đồ đường phù hợp hơn; tuy nhiên phần IV của đề cương nhấn mạnh luyện cột và tròn.

2. Các bước vẽ biểu đồ cột

• Bước 1: Đọc kĩ đơn vị và xác định số liệu cần biểu hiện.
• Bước 2: Lập hệ trục: trục tung thể hiện giá trị và đơn vị; trục hoành thể hiện năm/đối tượng.
• Bước 3: Chọn tỉ lệ trục hợp lí, chia khoảng đều.
• Bước 4: Vẽ cột đúng độ cao; nếu nhiều chỉ tiêu thì dùng chú giải rõ ràng.
• Bước 5: Ghi tên biểu đồ, đơn vị và chú giải đầy đủ.

3. Các bước vẽ biểu đồ tròn

• Bước 1: Kiểm tra tổng các thành phần có bằng 100% hay không.
• Bước 2: Nếu cần đổi từ % sang góc: góc ở tâm = tỉ trọng (%) × 3,6°.
• Bước 3: Vẽ hình tròn, chia các cung theo đúng góc/tỉ trọng.
• Bước 4: Ghi tỉ lệ từng thành phần, chú giải và tên biểu đồ.
• Nếu so sánh nhiều hình tròn và đề cho tổng quy mô khác nhau, chỉ thay đổi bán kính khi đề yêu cầu hoặc khi muốn thể hiện đồng thời quy mô; còn nếu chỉ so sánh cơ cấu thì có thể dùng các hình tròn bằng nhau.

4. Cách nhận xét biểu đồ

• Nhận xét khái quát trước: xu hướng chung, cơ cấu chủ đạo hoặc đối tượng nổi bật.
• Sau đó nêu cụ thể: lớn nhất – nhỏ nhất; tăng – giảm; chênh lệch bao nhiêu; thứ hạng giữa các đối tượng.
• Với chuỗi thời gian, phải chỉ rõ giai đoạn tăng/giảm và mức biến động, tránh chỉ chép lại số liệu.
• Với cơ cấu, nêu thành phần chiếm tỉ trọng lớn/nhỏ, sự chuyển dịch nếu có nhiều năm.

5. Gợi ý giải thích theo hai bài ôn tập

• Nhóm nước phát triển thường có GNI/người và HDI cao, cơ cấu kinh tế hiện đại do công nghiệp hóa sớm, trình độ khoa học – công nghệ cao, năng suất lao động lớn và chất lượng cuộc sống tốt.
• Nhóm nước đang phát triển nhìn chung có GNI/người thấp hơn, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, mức HDI không đồng đều và còn nhiều vấn đề về việc làm, đô thị hóa, dịch vụ xã hội.
• Toàn cầu hóa làm thương mại, đầu tư, tài chính và hoạt động của các công ty đa quốc gia mở rộng; vừa thúc đẩy sản xuất và hợp tác, vừa tạo sức ép cạnh tranh, môi trường và khoảng cách giàu nghèo.
• Khu vực hóa giúp các quốc gia trong khu vực tăng hợp tác, bổ sung nguồn lực và nâng sức cạnh tranh, nhưng đồng thời tạo sức ép đối với các nước ngoài khối hoặc các nền kinh tế yếu hơn.

6. Mẫu bố cục câu tự luận 3 điểm

• Vẽ biểu đồ đúng dạng, đủ tên – đơn vị – chú giải, bảo đảm tỉ lệ và thẩm mĩ.
• Nhận xét: 2–4 ý chính, có dẫn số liệu tiêu biểu.
• Giải thích: bám vào kiến thức Bài 1 hoặc Bài 2, nêu nguyên nhân trực tiếp và hợp lí với xu hướng số liệu.
• Cuối cùng kiểm tra lại đơn vị, phép tính phần trăm và tên quốc gia/nhóm nước.